

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ M'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HSST
Ngày 18 – 02 – 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ M'GAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trọng Phụng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Loan và ông Trương Minh Mẫn

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thảo – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Châu – Chức vụ Kiểm sát viên

Ngày 18/02/2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2025/HSST ngày 08 tháng 01 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HS, ngày 04 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn Đ. Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1986 tại tỉnh Bình Định;

Nơi ĐKNKTT: Thôn P, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định;

Nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và con bà Đặng Thị T1, sinh năm: 1954. Hiện bà đang sinh sống tại thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Bích Đ1 (đã ly hôn) và có 03 con, con lớn nhất sinh năm: 2010 và con nhỏ nhất sinh năm: 2017. Hiện các con đang sinh sống tại xã A, huyện H, tỉnh Bình Định;

Tiền sự: Không; Tiền án: 02 tiền án (Tại bản án số 09/2009/HS-ST, ngày 31/7/2009, Nguyễn Văn Đ bị Tòa án nhân dân huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định xử phạt 12 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích. Bị cáo chưa chấp hành hình phạt tù đối với bản án trên, tuy nhiên đã hết thời hiệu thi hành bản án nhưng bị cáo chưa thi hành về phần bồi thường thiệt hại. Tại bản án số: 175/2023/HS-PT, ngày 29/8/2023, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm tù về tội Đánh bạc với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm”. Ngày 21/01/2024, bị cáo Chấp hành xong hình phạt tù, chưa được xóa án tích);

Nhân thân: Ngày 07/6/2018, bị cáo Nguyễn Văn Đ bị Công an phường H, thành phố P, tỉnh Gia Lai ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc trái phép, bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 1.500.000 đồng, bị cáo đã chấp hành xong. Ngày 21/7/2021, bị cáo bị Công an xã A, huyện H, tỉnh Bình Định ra

Quyết định xử phạt hành chính về hành vi Đánh bạc trái phép, bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 1.500.000 đồng, bị cáo đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Đắk Lắk, từ ngày 12/9/2024 đến ngày 28/10/2024. Ngày 29/10/2024, bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Lý Văn L. Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1994 tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi ĐKNKTT: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lý Sòi C, sinh năm: 1964 và con bà Vòng Tài M, sinh năm: 1964. Hiện ông, bà đang sinh sống tại thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có vợ là Cháu Thị H, sinh năm: 1994 và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm: 2013 và con nhỏ nhất sinh năm: 2016. Hiện vợ và con bị cáo đang sinh sống tại thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Tiền án: 01 tiền án (Ngày 13/6/2023, bị Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xử phạt 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc theo bản án số 22/2023, bị cáo chưa chấp hành xong);

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Đắk Lắk, từ ngày 12/9/2024 đến ngày 28/10/2024. Ngày 29/10/2024, bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: Vi Văn B. Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1990 tại tỉnh Lào Cai;

Nơi ĐKNKTT: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai;

Nơi cư trú trước khi phạm tội: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Dao; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Vi Văn Q (đã chết) và con bà Đặng Thị V, sinh năm: 1972. Hiện bà đang sinh sống tại thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai; Bị cáo có vợ là Triệu Thị C1 (không đăng ký kết hôn, hiện nay không còn sinh sống với nhau) và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm: 2009, con thứ hai sinh năm: 2010. Hiện 02 con đang sinh sống tại thôn B, xã T, huyện V, tỉnh Lào Cai; Hiện tại có vợ là Nguyễn Thị Như Q1, sinh năm: 1998 và có 01 con sinh năm: 2024. Hiện vợ và con đang sinh sống tại thôn I, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 24/12/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội Đánh bạc. Ngày 29/6/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu xử phạt 18 tháng tù giam về tội Đánh bạc. Ngày 05/9/2017 chấp hành xong hình phạt tù, đã xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam, tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Đắk Lắk, từ ngày 12/9/2024 cho đến nay – Có mặt tại phiên tòa

4. Họ và tên: Mai Xuân T11. Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1967 tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi ĐKNKTT: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam;

Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Mai Xuân T2 (đã chết), con bà Mai Thị Đ2 (đã chết); Bị cáo có vợ là Mai Thị Đ3, sinh năm: 1969 và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm: 1996 và con nhỏ nhất sinh năm: 2000, hiện vợ và con đang sinh sống tại thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số: 63/HS-ST, ngày 25/7/1988, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên xử phạt 01 năm tù về tội Xuất cảnh trái phép. Ngày 13/3/1989, chấp hành xong hình phạt tù, đã xóa án tích;

Bị cáo Mai Xuân T11 bị tạm giữ, tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Đắk Lắk, từ ngày 12/9/2024 đến ngày 21/9/2024. Sau đó, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: Trịnh Đình H1. Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1991 tại tỉnh Thanh Hóa;

Nơi ĐKNKTT: Thôn C, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa;

Nơi cư trú: Thôn C, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 1/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Trịnh Đình T3, sinh năm: 1967 và con bà Lê Thị H2, sinh năm: 1969. Hiện ông, bà đang sinh sống tại thôn A, xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa; Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo Trịnh Đình H1 bị bắt tạm giữ, tạm giam, tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Đắk Lắk, từ ngày 12/9/2024 đến ngày 17/01/2025. Sau đó được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: Nguyễn Xuân H3. Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1985 tại tỉnh Nghệ An;

Nơi ĐKNKTT: Thôn A, xã K, huyện A, tỉnh Nghệ An;

Nơi cư trú: Thôn A, xã K, huyện A, tỉnh Nghệ An;

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Xuân T4 (đã chết), con bà Đậu Thị L1 (đã chết); Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị L2, sinh năm: 1986 và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm: 2010 và con nhỏ nhất sinh năm: 2017. Hiện vợ và con đang sinh sống tại thôn A, xã K, huyện A, tỉnh Nghệ An.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo Nguyễn Xuân H3 bị bắt tạm giữ, tạm giam, tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Đắk Lắk, từ ngày 12/9/2024 đến ngày 16/01/2025. Sau đó được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh. Có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: Nguyễn Thạch L3. Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1984 tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi ĐKNKTT: Số nhà H Đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Số nhà F Đường A, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Con ông Nguyễn Thạch L4 (đã chết), con bà Nguyễn Thị Ngọc B1, sinh năm: 1954. Hiện bà đang sinh sống tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo có vợ là Đỗ Thị Thu H4, sinh năm: 1990 và có 02 người con, con lớn nhất sinh năm: 2014 và con nhỏ nhất sinh năm: 2020. Hiện vợ và con đang sinh sống tại thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo Nguyễn Thạch L3 bị bắt tạm giữ, tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Đắk Lắk từ, ngày 12/9/2024 đến ngày 21/9/2024. Sau đó, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt tại phiên tòa

8. Họ và tên: Lương Văn T5. Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1977 tại tỉnh Đắk Lắk;

Nơi ĐKNKTT: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lương Văn C2 (đã chết), con bà Trần Thị T6 (đã chết); Bị cáo có vợ là Lê Thị Thanh D, sinh năm: 1981 và có 04 người con, con lớn nhất sinh năm: 1998 và con nhỏ nhất sinh năm: 2010. Hiện vợ và con đang sinh sống tại thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo Lương Văn T5 bị tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Đắk Lắk, từ ngày 12/9/2024 đến ngày 21/9/2024. Sau đó, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt tại phiên tòa.

9. Họ và tên: Lê Văn D1. Tên gọi khác: Không; Sinh năm: 1976 tại tỉnh Bình Định;

Nơi ĐKNKTT: Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Đạo C; Con ông Lê P, sinh năm: 1930 và con bà Trương Thị T7, sinh năm: 1940. Hiện ông, bà đang sinh sống tại xã A, huyện H, tỉnh Bình Định; Bị cáo có vợ là Trần Thị T8, sinh năm: 1977 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm: 1998 và con nhỏ nhất sinh năm: 2008. Hiện vợ và con đang sinh sống tại thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk;

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 25/6/2021 bị cáo bị chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc trái phép, bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 1.500.000 đồng, bị cáo đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giữ tại Nhà tạm giữ Công an huyện C, tỉnh Đắk Lắk, từ ngày 12/9/2024 đến ngày 21/9/2024. Sau đó, bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Võ T9, sinh năm 1953 – Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

- Bà Nguyễn Thị T10, sinh năm 1953 – Có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

Người làm chứng: Ông Lý Sáng S – Vắng mặt

Địa chỉ: Buôn C, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ, ngày 11/9/2024, ông Võ T9, sinh năm: 1953 đang ở nhà thuộc thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, lần lượt có Lê Văn D1, Lý Văn L, Nguyễn Thạch L3, Lương Văn T5, Nguyễn Xuân H3, Nguyễn Văn Đ, Trịnh Đình H1, Vi Văn B, Mai Xuân T11 đến nhà ông T9 chơi. Tại đây, mọi người cùng nhau tổ chức ăn nhậu tại phòng bếp nhà ông Võ T9, khoảng 20 giờ cùng ngày, ông T9 mệt nên đi vào phòng ngủ, còn những người trên tiếp tục ăn nhậu. Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi ăn nhậu xong thì Lê Văn D1, Lý Văn L, Nguyễn Thạch L3, Lương Văn T5, Nguyễn Xuân H3, Nguyễn Văn Đ, Trịnh Đình H1, Vi Văn B, Mai Xuân T11 cùng rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa, được thua bằng tiền Việt Nam đồng. Lúc này, Nguyễn Xuân H3 lấy lá bài tứ lơ khơ cùng 01 chiếc kéo có sẵn ở phòng bếp rồi cắt lá bài tứ lơ khơ ra thành 04 con vị để đánh bạc, Lương Văn T5 lấy 01 chén sứ, 01 đĩa sứ có sẵn trên chiếu rồi cầm cái xóc đĩa, còn Lê Văn D1, Lý Văn L, Nguyễn Thạch L3, Nguyễn Xuân H3, Nguyễn Văn Đ, Trịnh Đình H1, Vi Văn B, Mai Xuân T11 tham gia đặt cược. Lương Văn T5 xóc cái được nhiều ván nhưng thua nên Lê Văn D1 thay T5 xóc cái, còn T5 tham gia đặt cược. Khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, khi Lê Văn D1 đã xóc cái xong, những người chơi đã đặt cược xong, D1 chưa mở chén nên chưa biết thắng thua thế nào thì bị Cơ quan Công an bắt quả tang, bắt giữ được Lê Văn D1, Lý Văn L, Nguyễn Thạch L3, Lương Văn T5, Nguyễn Xuân H3, Nguyễn Văn Đ, Trịnh Đình H1, Vi Văn B, Mai Xuân T11; thu giữ số tiền sử dụng vào việc đánh bạc trên chiếu bạc là 23.200.000 đồng cùng dụng cụ phục vụ việc đánh bạc.

Cách thức đánh bạc cụ thể như sau: Tất cả những người trên ngồi trên chiếu, người cầm cái sử dụng 01 chén sứ, 01 đĩa sứ rồi bỏ 04 con vị hình tròn vào đĩa, dùng chén nhựa úp lại rồi xóc nhiều cái, những người còn lại tham gia đặt cược vào 02 cửa là cửa chắn hoặc cửa lẻ. Sau khi đặt xong thì người cầm cái mở chén, nếu trong đĩa có 02 con vị nằm ngửa và 02 con vị nằm sấp hoặc 04 con vị ngửa hoặc 04 con vị cùng sấp thì người đặt cửa chắn thắng, thắng được số tiền bằng số tiền đã đặt cược, người chơi đặt cửa lẻ thua toàn bộ số tiền đã đặt cược. Ngược lại nếu 03 con vị sấp và 01 con vị ngửa hoặc 03 con vị ngửa và 01 con vị sấp thì người chơi đặt cửa lẻ

thắng, thắng số tiền bằng số tiền đã đặt cược, người đặt cửa chẵn thua số tiền bằng số tiền đã đặt cược. Người cầm cái sẽ lấy số tiền cửa chẵn hoặc cửa lẻ thua để chung (trả) cho cửa thắng nếu dư thì người cầm cái lấy nếu thiếu thì người cầm cái phải bù vào. Trong khi đánh xóc đĩa thì mỗi ván người chơi đặt cược thấp nhất từ 100.000 đồng, số tiền đặt cược cao nhất là 500.000 đồng. Quá trình tham gia đánh bạc những người trên ngồi vị trí theo chiều kim đồng hồ như sau: từ Lê Văn D1, đến Lý Văn L, đến Nguyễn Thạch L3, đến Lương Văn T5, đến Nguyễn Xuân H3, đến Nguyễn Văn Đ, đến Trịnh Đình H1, đến Vi Văn B, đến Mai Xuân T11.

Khi tham gia đánh bạc, Lê Văn D1 sử dụng số tiền để đánh bạc là 500.000 đồng, Lý Văn L sử dụng số tiền để đánh bạc là 800.000 đồng, Nguyễn Thạch L3 sử dụng số tiền để đánh bạc là 2.700.000 đồng, Lương Văn T5 sử dụng số tiền để đánh bạc là 2.000.000 đồng, Nguyễn Xuân H3 sử dụng số tiền để đánh bạc là 3.500.000 đồng, Nguyễn Văn Đ sử dụng số tiền để đánh bạc là 5.000.000 đồng, Trịnh Đình H1 sử dụng số tiền để đánh bạc là 3.000.000 đồng, Vi Văn B sử dụng số tiền để đánh bạc là 4.000.000 đồng, Mai Xuân T11 sử dụng số tiền để đánh bạc là 1.700.000 đồng. Các bị can đều khai nhận tham gia đặt cược được nhiều ván, không rõ bao nhiêu ván, có ván thắng ván thua, toàn bộ số tiền đánh bạc để trên chiếu bạc.

Tại bản cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 07 tháng 01 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ về tội "Đánh bạc" theo điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015 và các bị cáo Lê Văn D1, Lý Văn L, Nguyễn Thạch L3, Lương Văn T5, Nguyễn Xuân H3, Trịnh Đình H1, Vi Văn B và Mai Xuân T11 về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã truy tố.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo; đồng thời giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam, từ ngày 12/9/2024 đến ngày 28/10/2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52: Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lý Văn L từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt cải tạo không giam giữ thời gian còn lại mà bị cáo chưa chấp hành theo Bản án số: 22/2023/HS-ST, ngày 13/6/2023, của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar về tội Đánh bạc là 12 ngày được chuyển đổi thành hình phạt tù theo tỷ lệ cứ 03 ngày cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành 01 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam, từ ngày 12/9/2024 đến ngày 28/10/2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Vi Văn B 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/9/2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trịnh Đình H1 từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H3 từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Lương Văn T5 từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thạch L3 từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn D1 từ 12 đến 15 tháng cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Mai Xuân T11 15 đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị:

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 23.200.000 đồng là tiền các bị cáo đã sử dụng để đánh bạc.

Tịch thu tiêu hủy 04 con vị hình tròn, được cắt ra từ lá bài tứ lơ khơ.

Tịch thu tiêu hủy 01 chén sứ hình tròn màu trắng, đường kính 11,5cm; 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng, đường kính 15,3cm; 01 chiếc chiếu chất liệu bằng cối, màu vàng – đỏ – xanh, kích thước (1,6 x 02)m; 01 chiếc kéo lưỡi bằng kim loại, cán bằng nhựa, dài 17cm, rộng 09cm.

Các bị cáo không có ý kiến đối đáp tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ phần hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư M'gar, Kiểm sát viên

trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ pháp luật.

[3] Về nội dung: Xét lời khai của các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản phạm tội quả tang và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: Vào Khoảng 21 giờ 30 phút, ngày 11/9/2024, tại nhà ông Võ T9 thuộc thôn H, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk các bị cáo Nguyễn Văn Đ (02 tiền án, chưa được xóa án tích), Lý Văn L (01 tiền án, chưa được xóa án tích), Vi Văn B, Mai Xuân T11, Trịnh Đình H1, Nguyễn Xuân H3, Nguyễn Thạch L3, Lê Văn D1, Lương Văn T5 đang tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa, được thua bằng tiền Việt Nam đồng thì bị Công an huyện C bắt quả tang, thu giữ trên chiếu bạc số tiền 23.200.000 đồng cùng toàn bộ dụng cụ sử dụng để đánh bạc. Hành vi phạm tội trên đây của bị cáo Nguyễn Văn Đ đã phạm vào tội Đánh bạc, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự. Các bị cáo Lê Văn D1, Lý Văn L, Nguyễn Thạch L3, Lương Văn T5, Nguyễn Xuân H3, Trịnh Đình H1, Vi Văn B và Mai Xuân T11 đã phạm vào tội Đánh bạc, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

"1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này hoặc đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm..

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

....

d) Tái phạm nguy hiểm"

[4] Xét tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây ảnh hưởng xấu nhiều mặt tới cuộc sống bình thường của gia đình các bị cáo, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an của địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực hành vi và nhận thức, các bị cáo đều biết được rằng đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật là vi phạm pháp luật, là tệ nạn xã hội mà Nhà nước nghiêm cấm. Song do ý thức coi thường pháp luật, tham lam tư lợi, muốn kiếm tiền bằng con đường bất

chính nên các bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do hành vi của mình gây ra.

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc trước, nhân thân và mức độ tham gia của từng bị cáo là khác nhau nên cần đánh giá hành vi của từng bị cáo để lượng hình cho phù hợp.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ là người đã có 02 tiền án chưa được xóa án tích và bị cáo đã sử dụng số tiền là 5.000.000 đồng để đánh bạc, vì vậy bị cáo phải chịu mức án theo quy định tại khoản 2 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Lý Văn L là người đã có 01 tiền án về tội đánh bạc chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội đánh bạc và bị cáo đã sử dụng số tiền là 800.000 đồng để đánh bạc. Bị cáo đang trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ bị cáo lại tiếp tục phạm tội mới, vì vậy thời gian cải tạo không giam giữ mà bị cáo chưa chấp hành được chuyển đổi thành hình phạt tù theo tỷ lệ cứ 03 ngày cải tạo không giam giữ được chuyển đổi thành 01 ngày tù để tổng hợp thành hình phạt chung theo điểm b khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự. Tại bản án hình sự số 22/2023/HSST ngày 13/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk tuyên phạt bị cáo 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Đánh bạc", được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 21/01/2023 đến ngày 30/01/2023 là 09 ngày tạm giữ, quy đổi thành 27 ngày cải tạo không giam giữ. Như vậy thời gian mà bị cáo còn phải chấp hành là 14 tháng 03 ngày. Thời điểm bị cáo Lý Văn L bắt đầu chấp hành án cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan Thi hành án hình sự - Công an huyện C nhận được Quyết định thi hành án hình sự là ngày 21/7/2023. Đến ngày 11/9/2024, bị cáo Lý Văn L phạm tội mới và bị bắt tạm giữ, tạm giam, vì vậy bị cáo Lý Văn L mới chấp hành xong thời gian cải tạo không giam giữ tính từ ngày 21/7/2023 đến 11/9/2024 là 13 tháng 21 ngày, thời gian còn lại chưa chấp hành là 12 ngày cải tạo không giam giữ. Quy đổi thành hình phạt tù, $12 : 3 = 04$ ngày.

Đối với bị cáo Vi Văn B là người có nhân thân xấu: Ngày 24/12/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội Đánh bạc. Ngày 29/6/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Tam Đường, tỉnh Lai Châu xử phạt 18 tháng tù giam về tội Đánh bạc. Ngày 05/9/2017 chấp hành xong hình phạt tù, đã xóa án tích. Nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học rút kinh nghiệm cho bản thân mà lại tiếp tục phạm tội và đã sử dụng số tiền là 4.000.000 đồng để đánh bạc, vì vậy bị cáo phải chịu mức án **nhghiêm khắck hơn so với các bị cáo khác** tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Đối với các bị cáo Nguyễn Thạch L3 đã sử dụng số tiền 2.700.000 đồng để đánh bạc, Lương Văn T5 sử dụng số tiền là 2.000.000 đồng để đánh bạc, Nguyễn Xuân H3 đã sử dụng số tiền là 3.500.000 đồng để đánh bạc, Trịnh Đình H1 đã sử dụng số tiền là 3.000.000 đồng để tham gia đánh bạc, vì vậy các bị cáo phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của mình.

Đối Mai Xuân T11 là người có nhân thân xấu: Tại bản án số: 63/HS-ST, ngày 25/7/1988, bị cáo bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Trị Thiên xử phạt 01 năm tù về tội Xuất cảnh trái phép. Ngày 13/3/1989, chấp hành xong hình phạt tù, đã xóa án tích, bị cáo đã sử dụng số tiền là 1.700.000 đồng để đánh bạc. Bị cáo Lê Văn D1 là người có nhân thân xấu: Ngày 25/6/2021 bị cáo bị chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ra

Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc trái phép, bằng hình thức phạt tiền, mức phạt 1.500.000 đồng, bị cáo đã chấp hành xong, bị cáo đã sử dụng số tiền để đánh bạc là 500.000 đồng để đánh bạc vì vậy các bị cáo cũng phải chịu mức án tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Lý Văn L đã có 01 tiền án về tội đánh bạc chưa được xóa án tích vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là tái phạm theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo Lê Văn D1, Nguyễn Thạch L3, Lương Văn T5, Nguyễn Xuân H3, Trịnh Đình H1 đều là những người phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, vì vậy các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lý Văn L, Vi Văn B, Mai Xuân T11 được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Nguyễn Thạch L3 có thời gian tham gia nghĩa vụ Quân sự và đã hoàn thành nghĩa vụ Quân sự, bị cáo Lý Văn L, Vi Văn B là người dân tộc thiểu số, bị cáo Mai Xuân T11 là người có hoàn cảnh gia đình khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận, vì vậy các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Với tính chất hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo như đã nhận định trên. Hội đồng xét xử xét thấy, cần phải cách ly các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lý Văn L và Vi Văn B ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo sống biết tôn trọng pháp luật, đồng thời phòng ngừa trong đấu tranh phòng chống tội phạm chung trong toàn xã hội.

Đối với các bị cáo Nguyễn Thạch L3, Lương Văn T5, Nguyễn Xuân H3, Trịnh Đình H1, đều là những người phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình cũng đủ tác dụng răn đe đối với các bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều là những người lao động tự do thu nhập không ổn định vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Đối với Lê Văn D1 và Mai Xuân T11. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo mặc dù có nhân thân xấu nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, phạm tội với vai trò thứ yếu, số tiền tham gia đánh bạc ít, có nơi cư trú rõ ràng vì vậy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt “cải tạo không giam giữ” cũng đủ tác dụng răn đe đối với các bị cáo.

Về khấu trừ một phần thu nhập đối với người bị phạt cải tạo không giam giữ: Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo là người làm nông, không có thu nhập ổn định và hoàn cảnh gia đình khó khăn vì vậy không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

Trong vụ án này, đối với ông Võ T9 và bà Nguyễn Thị T10 là chủ của căn nhà tại xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 11/9/2024, các bị cáo tham gia đánh bạc tại

phòng bếp nhà ông Võ T9, ông T9 và bà T10 không biết, không liên quan, không hưởng lợi gì. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không đề cập xử lý đối với ông Võ T9 và bà Nguyễn Thị T10 cũng như căn nhà các bị cáo sử dụng làm địa điểm đánh bạc là phù hợp

Đối với ông Lý Sáng S, ngày 11/9/2024, ông S sang nhà ông T9 chơi thì thấy các bị cáo tham gia đánh bạc, ông S ngồi xem, không tham gia đánh bạc. Vì vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C không đề cập xử lý đối với ông Lý Sáng S là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 23.200.000 đồng (hai mươi ba triệu hai trăm ngàn đồng) thu trên chiếu bạc, đây là số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với 04 con vị hình tròn, được cắt ra từ lá bài tứ lơ khơ, là công cụ các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chén sứ hình tròn màu trắng, đường kính 11,5cm; 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng, đường kính 15,3cm; 01 chiếc chiếu chất liệu bằng cói, màu vàng – đỏ - xanh, kích thước (1,6 x 02)m; 01 chiếc kéo lưỡi bằng kim loại, cán bằng nhựa, dài 17cm, rộng 09cm là tài sản của ông Võ Tín . Khi các bị cáo sử dụng các tài sản trên làm công cụ để thực hiện hành vi phạm tội thì ông Võ T9 không biết nên cần trả lại các tài sản trên cho ông Võ Tín . Tuy nhiên, ông Võ T9 không có yêu cầu nhận lại các tài sản trên nên cần tịch thu tiêu hủy.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lý Văn L, Vi Văn B, Nguyễn Thạch L3, Lương Văn T5, Nguyễn Xuân H3, Trịnh Đình H1, Mai Xuân T11 và Lê Văn D1, phạm tội “*Đánh bạc*”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam, từ ngày 12/9/2024 đến ngày 28/10/2024.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 của Bộ luật hình sự

Xử phạt bị cáo Lý Văn L 01 năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 55; khoản 2 Điều 56 của Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt 04 ngày tù tại bản án hình sự số 22/2023/HSST ngày 13/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk. Hình phạt chung buộc bị cáo Lý Văn L phải chấp hành là 01 năm 04 ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam, từ ngày 12/9/2024 đến ngày 28/10/2024

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Vi Văn B 01 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/9/2024

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 1 khoản 2 khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trịnh Đình H1 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân H3 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt bị cáo Lương Văn T5 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1 khoản 2 khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thạch L3 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 18 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trịnh Đình H1 cho Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y, tỉnh Thanh Hóa. Giao bị cáo Nguyễn Xuân H3 cho Ủy ban nhân dân xã K, huyện A, tỉnh Nghệ An; Giao bị cáo Nguyễn Thạch L3 cho Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; Giao bị cáo Lương Văn T5 cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; khoản 1 khoản 2 Điều 36; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Mai Xuân T11 18 tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 12 tháng 9 năm 2024 đến ngày 21 tháng 9 năm 2024, cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 khoản 2 Điều 36; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn D1 15 tháng cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án. Được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 12 tháng 9 năm 2024 đến ngày 21 tháng 9 năm 2024, cứ 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Mai Xuân T11 cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo

Lê Văn D1 cho Ủy ban nhân dân xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Bị cáo Mai Xuân T11 và bị cáo Lê Văn D1 được miễn khấu trừ thu nhập.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền mà các bị cáo đã sử dụng để đánh bạc là 23.200.000 đồng (hai mươi ba triệu hai trăm ngàn đồng).

Tịch thu tiêu hủy đối với 04 con vị hình tròn, được cắt ra từ lá bài tứ lơ khơ, 01 chén sứ hình tròn màu trắng, đường kính 11,5cm; 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng, đường kính 15,3cm; 01 chiếc chiếu chất liệu bằng cói, màu vàng – đỏ - xanh, kích thước (1,6 x 02)m; 01 chiếc kéo lưỡi bằng kim loại, cán bằng nhựa, dài 17cm, rộng 09cm, là công cụ các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

(Hiện vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư M'gar, đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/01/2025).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Lý Văn L, Vi Văn B, Nguyễn Thạch L3, Lương Văn T5, Nguyễn Xuân H3, Trịnh Đình H1, Mai Xuân T11 và Lê Văn D1 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKS tỉnh; TA tỉnh Đắk Lắk ;
- Sở Tư pháp Đắk Lắk;
- Vụ giám đốc kiểm tra I;
- VKS huyện Cư M'gar;
- CA huyện Cư M'gar;
- THA dân sự; THA hình sự;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu văn thư; hồ sơ.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Trọng Phụng

